

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 8 – 2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2022/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quang U', sinh năm 1976; Đăng ký thường trú: Số nhà 65/35, đường K, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Đồn Biên phòng T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 81/27, đường T, Khóm C, Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Quang U' trình bày:

Vào năm 2000, ông và bà Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 11/7/2003. Trong thời gian chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2019, mâu thuẫn giữa vợ chồng càng lúc càng nhiều do cuộc sống gặp khó khăn về kinh tế. Ông bà sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Về con chung: Ông bà sinh được hai người con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày

03/10/2002 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2007. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông Lê Quang U' yêu cầu giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.
- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc H và không yêu cầu bà Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Huyền T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà kết hôn vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố Sóc T. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng đến khoảng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do ông Lê Quang U' có mối quan hệ tình cảm với người khác. Hiện nay bà đi làm ăn xa ở Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Quang U' yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý do còn thương chồng, thương con.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông bà sinh được hai người con chung tên Lê Thị Huyền T, sinh ngày 03/10/2002 và Lê Thị Ngọc H, sinh ngày 22/9/2007. Bà đồng ý giao cháu Lê Thị Ngọc H cho ông Lê Quang U' trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Huyền T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang U'.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Quang U' yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung với bà

Nguyễn Thanh Trang. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án bà Nguyễn Thanh T cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thanh T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang U’:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang U’ và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2000 và được Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2003 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Quang U’ và bà Nguyễn Thanh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Lê Quang U’ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, ông Lê Quang U’ cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2019, ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, nguyên do vợ chồng có khó khăn về kinh tế dẫn đến cuộc sống không được hạnh phúc, bất hòa. Ông bà không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Tại Biên bản lấy lời khai 10/5/2022, bà Nguyễn Thanh T thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân, ông bà phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên do là ông Lê Quang U’ có quan hệ tình cảm với người khác. Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang U’ thì bà Nguyễn Thanh T không đồng ý vì bà còn thương chồng, thương con và muốn được hàn gắn tình cảm. Qua lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông Lê Quang U’ và bà Nguyễn Thanh T trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài mà không hàn gắn lại được tình cảm, hiện tại ông bà cũng sinh sống ở hai nơi khác nhau. Mặt khác sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Lê Quang U’ vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng của ông bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quang U’ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lê Quang U’ được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Lê Quang U’ và bà Nguyễn Thanh T sinh được hai người con chung là Lê Thị Huyền T (nữ, sinh ngày 03/10/2002) và Lê Thị Ngọc H (nữ, sinh ngày 22/9/2007). Ông Lê Quang U’ yêu cầu sau khi ly hôn, ông được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc H cho

đến khi cháu thành niên (cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu Lê Thị Ngọc H (*Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 09/5/2022*)) và không yêu cầu bà Nguyễn Thanh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Huyền T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022, bà Nguyễn Thanh T cũng thống nhất với yêu cầu của ông Lê Quang U. Hiện tại cháu Lê Thị Ngọc H đang sống chung với ông Lê Quang U, việc giao cháu cho ông Lê Quang U nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho ông Lê Quang U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị Ngọc H cho đến khi cháu Lê Thị Ngọc H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Lê Thị Huyền T đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Quang U khẳng định đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc H và không yêu cầu bà Nguyễn Thanh T cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Ông Lê Quang U và bà Nguyễn Thanh T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Ông Lê Quang U và bà Nguyễn Thanh T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê Quang U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn. Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang U' và bà Nguyễn Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Quang U' được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Thị Ngọc H (nữ, sinh ngày 22/9/2007) cho đến khi cháu Lê Thị Ngọc H thành niên (đủ 18 tuổi). Đối với cháu Lê Thị Huyền T (nữ, sinh ngày 03/10/2002) đã thành niên, các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thanh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Bà Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Lê Thị Ngọc H mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Lê Quang U' và bà Nguyễn Thanh T xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Lê Quang U' và bà Nguyễn Thanh T xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang U' phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000388 ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lê Quang U' đã nộp xong án phí. Bà Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Lê Quang U' có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bà Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố S;
- CC THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, thành phố S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Lệ Hằng